TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Sơn
2. Ông Nguyễn Hữu Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Luông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Trần Anh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn 2 (thôn Trà L), xã Tam Ng, Thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Hạ Th, xã Tam Th, Thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn D trình bày:

Ông và bà Võ Thị M tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Ng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 19-10-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống chung với gia đình ông được một thời gian thì bà M có mâu thuẫn với mẹ ruột ông. Từ đó bà M bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà M sinh sống. Lúc đầu, thỉnh thoảng ông có về nhà cha mẹ ruột của bà M để cùng

chung sống, sau đó có xảy ra mâu thuẫn do chuyện làm ăn, kinh tế, chỗ ở của hai bên. Đến năm 2017, ông bị tai biến phải điều trị tại Bệnh viện nhưng bà M không quan tâm, không chăm sóc, cắt đứt mọi quan hệ với ông. Sau khi xuất viện, ông có đến nói chuyện với bà M để quay về chung sống nhưng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nay ông thấy tình cảm không còn, cả hai đều không quan tâm đến nhau, phần ai người nấy sống. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Đoàn Chi Linh, sinh ngày 31-5-2013 và cháu Đoàn Thị Yến Nhi, sinh ngày 05-3-2015. Hiện nay 02 con chung đang ở với bà M tại nhà mẹ ruột của bà M thuộc xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ. Tại phiên tòa, ông thống nhất giao 02 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, ông không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay ông bị tai biến, sức khỏe không tốt, hàng ngày ông bán vé số thu nhập mỗi tháng khoảng 1.500.000 đồng nhưng ông còn phải lo tiền mua thuốc để uống cho bản thân. Nếu sau này đỡ bệnh, ông làm có tiền thì ông tự nguyện cấp dưỡng. Về bản thân ông thì ông tự lo được cho cuộc sống nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Võ Thị M không có mặt tại các buổi làm việc theo Thông báo của Tòa án nên không có lời trình bày.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa. Do đó, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn D. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đoàn D và bà Võ Thị M. Về nuôi con chung: giao 02 con chung là Đoàn Chi Linh, sinh ngày 31-5-2013 và Đoàn Thị Yến Nhi, sinh ngày 05-3-2015 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Đoàn D và bà Võ Thị M tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung. Hiện nay ông, bà có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại thành phố Tam Kỳ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác

định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ. Bị đơn bà M vắng mặt nhưng đã tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Đoàn D và bà Võ Thị M tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Ngọc, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 19-10-2012 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Đoàn D và bà Võ Thị M thì thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, hay cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, sinh hoạt. Ông D trình bày đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng sau đó cuộc sống không thay đổi, vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân đến nay là 5 đến 6 năm, phần ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Do đó, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà M.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, bà M không tham gia các phiên họp và hòa giải, cũng không trình bày ý kiến của mình.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa ông D và bà M đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà M đã được thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không có mặt tại Tòa án trong các buổi làm việc, xét xử. Điều này thể hiện, bà không muốn quay về cùng nhau chung sống, xây dựng gia đình cùng ông D. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông D là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D với bà M.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung: cháu Đoàn Chi Linh, sinh ngày 31-5-2013 và cháu Đoàn Thị Yến Nhi, sinh ngày 05-3-2015.

Tại phiên tòa, ông Đoàn D đồng ý giao 02 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Xét thấy, hiện nay các cháu Linh, Nhi đang ở với bà M, được bà M nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển bình thường, được cho đi học. Nguyện vọng của các cháu là được ở với bà M. Hiện nay, ông D bị tai biến chưa khỏi bệnh hẳn, đi lại khó khăn, thu nhập không ổn định mà còn phải lo thuốc thang cho bản thân. Hội đồng xét xử xét thấy, để cho các cháu Linh, Nhi có điều kiện phát triển tốt hơn, phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên quyết định giao con chung là các cháu Đoàn Chi Linh, sinh ngày 31-5-2013 và cháu Đoàn Thị Yến Nhi, sinh ngày 05-3-2015 cho bà M trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp. Bà M không có mặt và không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông D trình bày từ trước đến nay ông bị bệnh phải nằm viện nhiều ngày nên cũng không có tiền chu cấp cho bà M để nuôi con. Xét thấy, bà M tự lo được cho các cháu, lâu nay ông D cũng không có tiền cấp dưỡng nuôi con chung, ông D đang ốm đau, ông khai hàng ngày ông bán vé số, nếu đi bán đều, không đau ốm thì mới kiếm được 1.500.000 đồng/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không buộc ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông D tự nguyện nhận chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 39, 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đoàn D và bà Võ Thị M.

2. Về nuôi con chung:

Giao hai con chung là cháu Đoàn Chi Linh, sinh ngày 31-5-2013 và cháu Đoàn Thị Yến Nhi, sinh ngày 05-3-2015 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đoàn D nhận chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009518 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Ông D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15-6-2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Ng;
- VKSND TP. Tam Kỳ;
- TAND tỉnh QN;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Khôi